TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ÂN THI** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Án số: 28 /2018/HNGĐ - ST
Ngày 28 tháng 11 năm 2018
" V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ÂN THI - TỈNH HƯNG YÊN
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà **Lương Thị Thủy**
- *Các hội thẩm nhân dân:* Ông **Lê Văn Đỉnh** - Bí thư huyện đoàn Ân Thi
Ông **Nguyễn Văn Chiền** – Hội CCB huyện

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông **Dương Mạnh Hùng** - CBTA.

Đại diện VKS tham gia phiên toà: Ông **Đỗ Văn Tú** - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 11 năm 2018 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Ân Thi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 148/2018/TLST-HNGĐ ngày 28/9/2018 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2018/DSST - QĐXX ngày 29/10/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh **Phạm Văn L**, SN 1988
- *Bị đơn*: Chị **Vũ Thị H**, SN 1993

Đều trú tại: P U, P U, Ân Thi, Hưng Yên

-Người có quyền lợi liên quan:
Cháu **Phạm Văn K**, SN 2013
-Người đại diện cho cháu Kiệt: **Anh L**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/8/2018 của anh L và các lời khai của anh L trong quá trình giải quyết vụ án được thể hiện như sau:

Anh và cô H quen biết nhau khoảng 02 tháng thì tiến tới hôn nhân, kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P U vào tháng 04/2012. Sau khi cưới được khoảng 08 ngày thì cô H với gia đình tôi đã nảy sinh mâu thuẫn, các bên to tiếng, đánh cãi chửi nhau làm náo loạn cả nhà, những ngày tiếp theo cô H có nhiều lời nói không đúng mực đối với anh em trong gia đình tôi đã gây mất đoàn kết. Tôi và gia đình đã nhiều lần nói chuyện với cô H, phân tích, động viên để cô H tự nhìn nhận lại bản thân, có cách cư xử cho đúng mực nhưng không có kết quả, kể từ thời gian đó tôi nhận thấy tình cảm vợ chồng đã có nhiều vấn đề, hai bên không dành sự quan tâm, thương yêu cho nhau nữa, gần tết năm 2017 tôi và cô H sảy ra mâu thuẫn lớn, hai bên đánh cãi chửi nhau, tôi đã đuổi và ném quần áo, tư trang của cô H ra ngoài đường, sau đó bố mẹ cô H có đến gặp tôi và gia đình nói chuyện, xin cho cô H ở lại để hai bên gia đình có cái tết đầm ấm, vì tôn trọng và thương bố mẹ vợ tôi đã động viên cô H ở lại, tuy nhiên ra ngoài tết vào khoảng tháng 03/2018 cô H đã bỏ về gia đình bên ngoại sinh sống, vợ chồng tôi chính thức sống ly thân, không ai quan tâm đến ai, công việc cũng như cuộc sống của ai người đó tự lo. Nay anh xác định tình cảm không còn nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn cô H.

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung Phạm Văn K, SN 2013, kể từ khi chị H bỏ đi cháu Kiệt do anh và ông bà nội chăm sóc, nuôi dưỡng. Ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời khai của chị Vũ Thị H thể hiện: Chị và anh L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P U, Ân Thi, Hưng Yên vào tháng 4/2012. Sau khi kết hôn giữa chị với anh em trong gia đình anh L đã sảy ra mâu thuẫn, các bên to tiếng, đánh cãi chửi nhau, những ngày tiếp theo giữa chị và anh L luôn có nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống, khắc khẩu,từ những việc nhỏ cũng có thể trở thành mâu thuẫn lớn, anh L chửi, đánh chị và đập phá đồ đạc trong nhà. Bản thân chị cũng như hai gia đình đã nhiều lần nói chuyện với anh L nhưng anh không có thay đổi gì. Vào đêm 27 tháng 12 (AL) vợ chồng chị đánh cãi, chửi nhau, anh L đuổi chị và vứt quần áo ra ngoài đường chỉ vì nguyên nhân mua sắm đồ tết cho bên nội, ngoại và cho vợ chồng, chị đã phải gọi điện cho bố mẹ đến can ngăn anh L với mong muốn đón tết được yên ấm, ra ngoài tết trước những mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, áp lực cuộc sống quá lớn nên chị đã về sinh sống cùng bố mẹ đẻ, vợ chồng sống ly thân nhau và cũng không còn trách nhiệm gì đối với nhau. Nay chị vì thương con còn nhỏ nên chị không nhất trí ly hôn với anh L.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung Phạm Văn K, SN 2013. Ly hôn chị có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh L cấp dưỡng.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời khai của bà Nguyễn Thị Soan – mẹ đẻ chị H thể hiện: Anh L và chị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống không hạnh phúc, sau khi cưới được 08 ngày thì đã nảy sinh mâu thuẫn với gia đình anh L, các bên to tiếng, đánh cãi, chửi nhau, trong cuộc sống anh L là người cục tích, thường chửi, đánh chị H và nhiều lần gọi điện cho vợ chồng tôi với những lời nói rất hỗn láo, đêm 27 tháng 12/2017 (AL) anh L đánh và đuổi chị H ra ngoài, vợ chồng tôi phải ra tận nơi để can ngăn, từ tháng 03/2018 chị H không thể chịu được sự hành hung của anh L đã về sinh sống cùng gia đình tôi, trong thời gian này anh L không quan tâm gì đến chị H.

Biên bản xác minh với UBND xã P U thể hiện: Anh L, chị H có đăng ký kết hôn tại địa phương vào tháng 04/2012. Qua nắm bắt tình hình an ninh trật tự ở địa phương được biết rằng sau khi cưới được 10 ngày thì vợ chồng anh L và anh gia đình anh L đã có mâu thuẫn, các bên to tiếng đánh cãi chửi nhau, gần tết năm 2017 vợ chồng anh L tiếp tục có mâu thuẫn lớn và từ tháng 03/2018 cho đến nay sống ly thân nhau.

Ngày 13/11/2018 Tòa án đã mở phiên tòa để xét xử vụ án nhưng chị H vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và Điều 133 Tòa án đã hoãn phiên tòa.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án có các nội dung:

I Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật của thư ký, thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48,51 BLTTDS trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án: Đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng.

II Quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ vợ chồng: Vợ chồng anh L phát sinh mâu thuẫn chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và do kinh tế nên cuộc sống vợ chồng lạnh nhạt, thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau, tình cảm anh em trong gia đình trở lên xa cách, đã được hai bên gia đình và chính quyền địa phương can thiệp nhưng không có kết quả gì. Tháng 03/2018 vợ chồng ly thân nhau. Anh L làm đơn xin ly hôn nhưng chị H không nhất trí ly hôn và không đưa ra được biện pháp hiệu quả và cụ thể để thuyết phục anh L và hàn gắn tình cảm. Điều đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa anh L và chị H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên có đủ căn cứ xử cho anh L được ly hôn chị H.

Về con chung: Có 01 con chung Phạm Văn K, SN 2013. Anh L và chị H đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng và không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng. Xét thấy đây là nguyện vọng chính đáng của người làm cha, làm mẹ đối với con chung, hai anh chị đều có mức thu nhập ổn định, chị H làm công nhân nên ít có thời gian quan tâm chăm sóc cho con, Cháu Kiệt hiện đang học và ở cùng với anh L cùng ông bà nội nên việc chăm sóc cho cháu sẽ tốt hơn. Vì vậy nên giao cháo Kiệt cho anh L chăm sóc nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của anh L không yêu cầu chị H cấp dưỡng, chị H có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

Về tài sản chung: Không xem xét.

Về án phí: Anh L phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn chị H và có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung. về tài sản chung, công nợ, công sức: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy HĐXX căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS xét xử vắng mặt bị đơn.

Sau khi đã nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, phát biểu của KSV tham gia phiên tòa. HĐXX nhận định như sau:

Về quan hệ vợ chồng: Anh L và chị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P U, Ân Thi, Hưng Yên vào năm 2012, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Cuộc sống vợ chồng anh L, chị H không hạnh phúc ngay sau khi cưới, có rất nhiều mâu thuẫn nảy sinh, nguyên nhân do tính không hợp, bất đồng quan điểm sống, cách cư xử, ứng xử của mỗi bên không khéo léo, gây mâu thuẫn, mất đoàn kết trong gia đình, hai bên không tự nhìn nhận lại bản thân để khắc phục những sai lầm, thiếu sót của mình để gia đình được hòa thuận, hạnh phúc. Tuy mỗi bên trình bày nguyên nhân mâu thuẫn khác nhau nhưng tựu chung lại thì cuộc sống đã có nhiều mâu thuẫn, bản thân hai bên không tự giải quyết được, cuộc sống cứ tiếp tục cùng với những mâu thuẫn đang tồn tại, từ tháng 03/2018 cho đến nay sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Điều đó thể hiện cuộc sống vợ chồng giữa anh L và chị H không hạnh phúc, mâu thuẫn đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần thiết phải dẫn đến việc ly hôn. Do vậy, căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia

đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh L. Không chấp nhận yêu cầu xin đoàn tụ của chị H.

Về con chung: Anh L và chị H có 01 con chung Phạm Văn K, SN 2013. Ly hôn cả hai bên đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng đã thể hiện được trách nhiệm của người làm cha, làm mẹ đối với con chung. Tuy nhiên khi xét về điều kiện, hoàn cảnh để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung thấy rằng: Từ khi chị H bỏ đi cháu Kiệt vẫn được anh L và ông bà nội quan tâm, chăm sóc, nuôi dưỡng, cho học hành, cuộc sống cũng như sự phát triển tâm sinh lý của cháu đều tốt, mặc dù hai bên đều có công việc, thu nhập ổn định nhưng chị H làm công nhân tại khu công nghiệp Thăng Long, tính chất công việc vất vả, thời gian hạn chế hơn so với anh L khi làm ở nhà, điều kiện chăm lo không đảm bảo bằng anh L. Vì vậy cần thiết tiếp tục giao cháu Kiệt cho anh L chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của anh L không yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Anh L, chị H không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Về án phí: Anh L phải chịu án phí STDS theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81;82;83 của Luật HNGĐ; Điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 4 Điều 147 của BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho anh Phạm Văn L được ly hôn chị Vũ Thị H.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Văn K, SN 2013 cho anh L nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Chị H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh L. Chị H có quyền đi lại, thăm nom con chung, anh L không được ngăn cản.

3. Về tài sản chung: HĐXX không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Anh L phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm dân sự ly hôn (được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh L đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000108 ngày 28/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ân Thi). Anh L đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Anh L phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm dân sự ly hôn (được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh L đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000108 ngày 28/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ân Thi). Anh L đã nộp đủ án phí.

Nơi nhận
- VKS cùng cấp
- Các đương sự;
- UBND xã P U;
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Thị Thủy